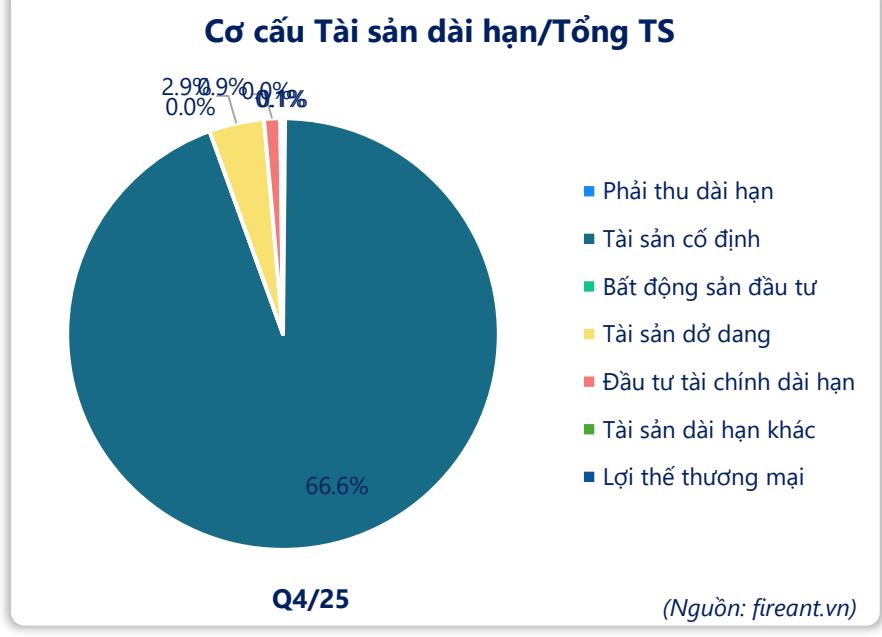
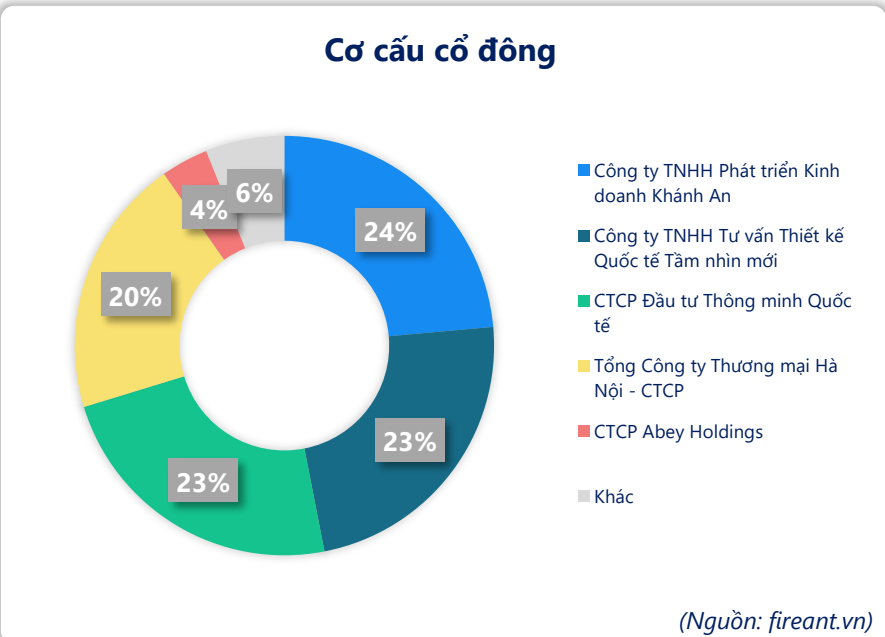
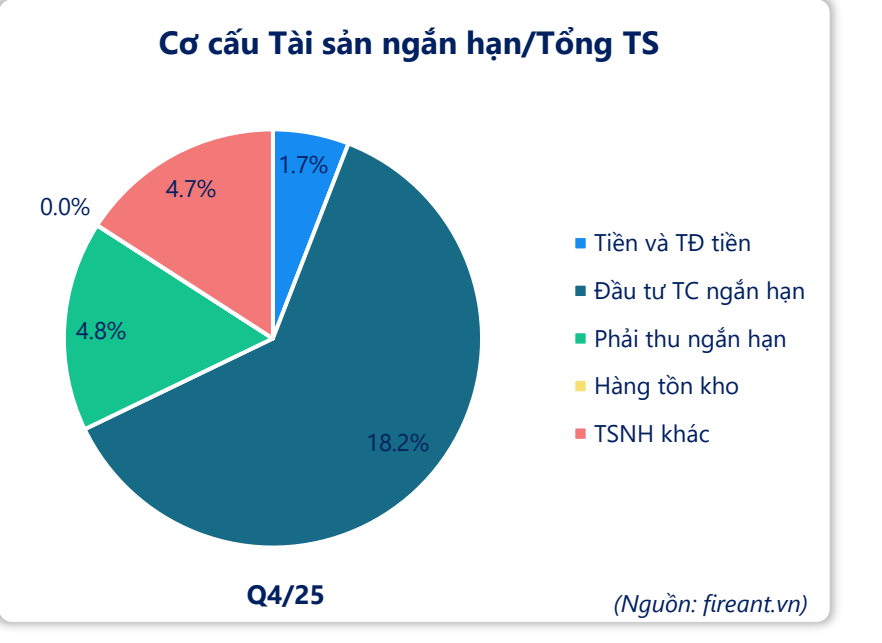
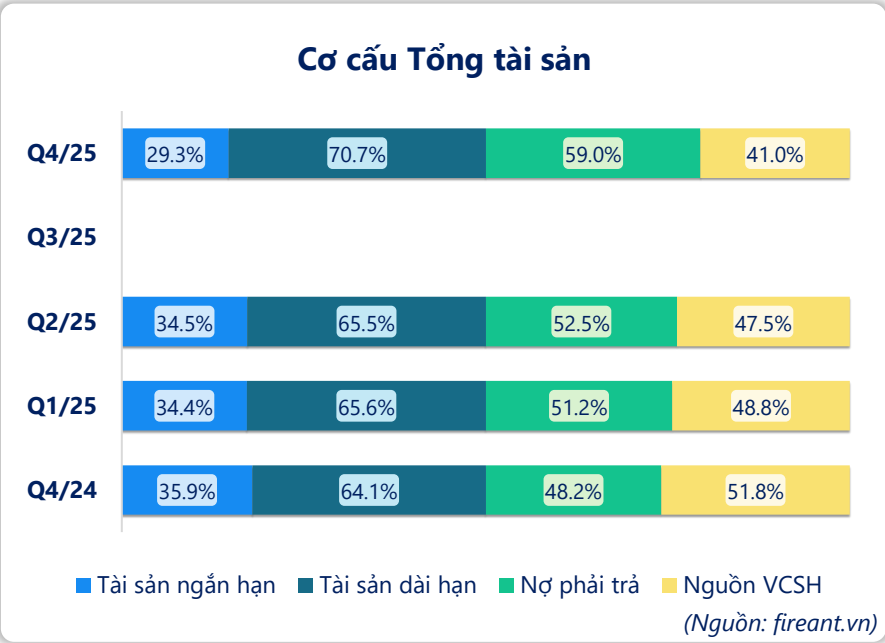
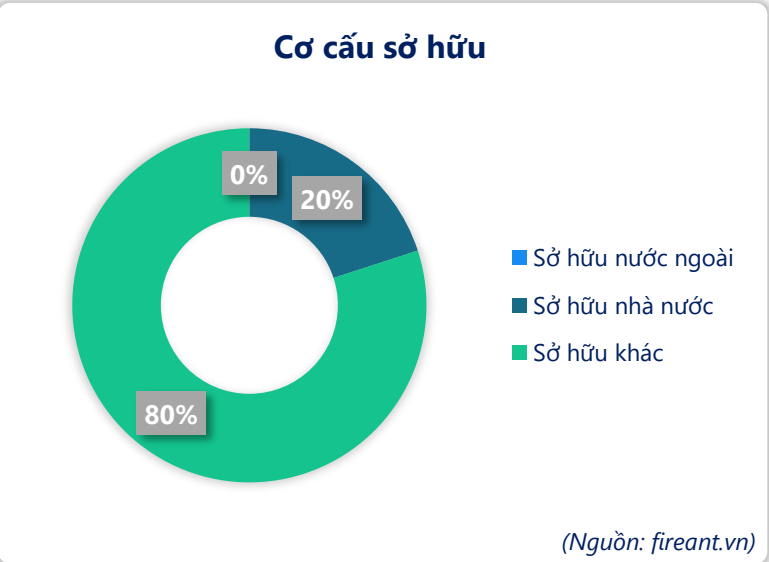
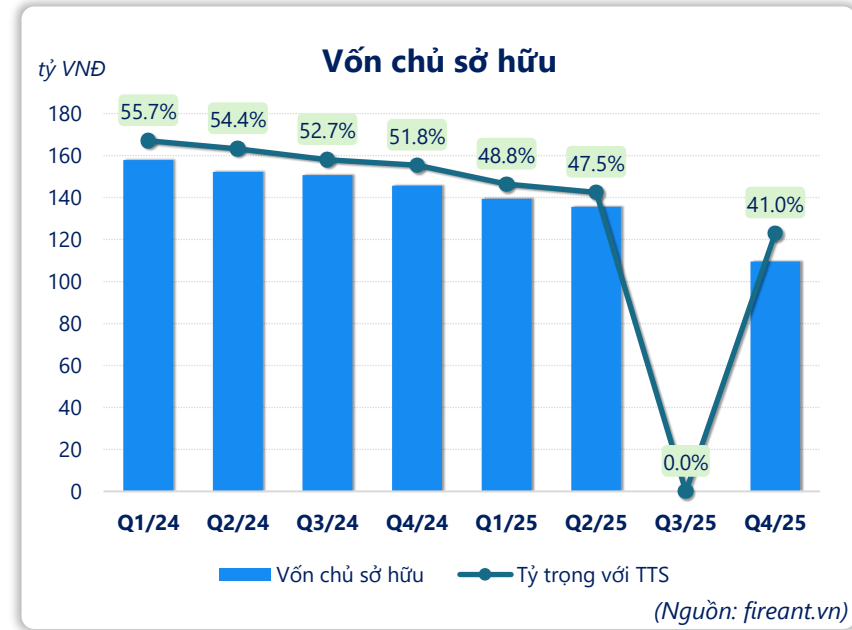
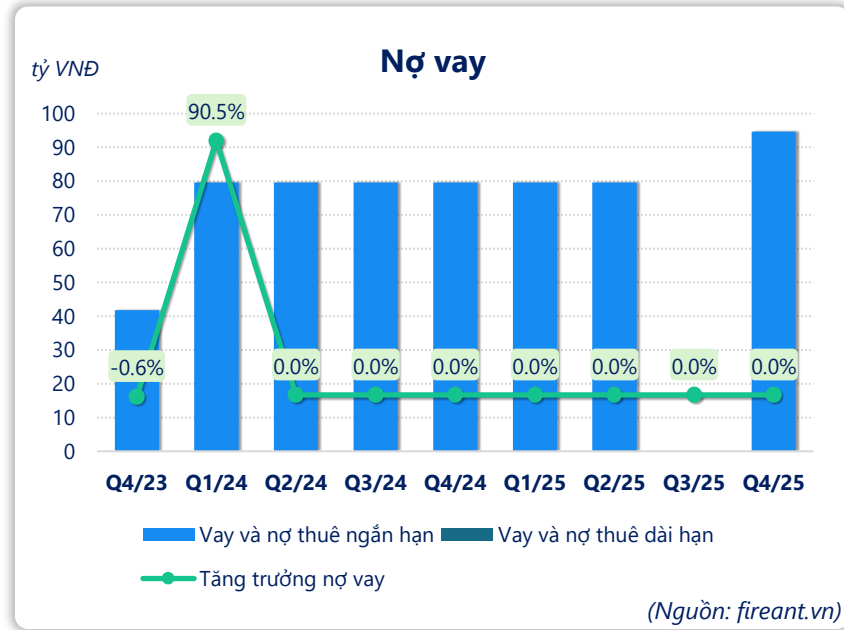
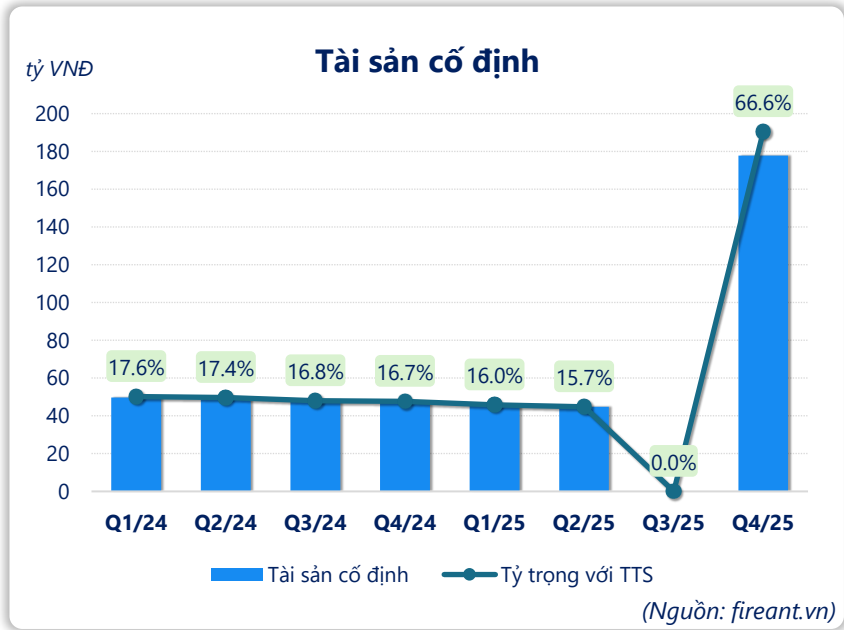
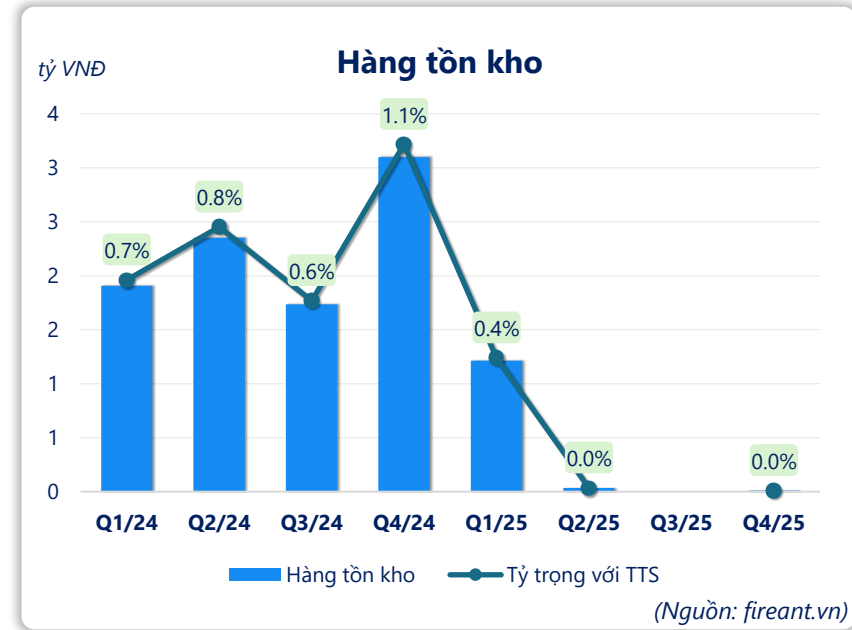
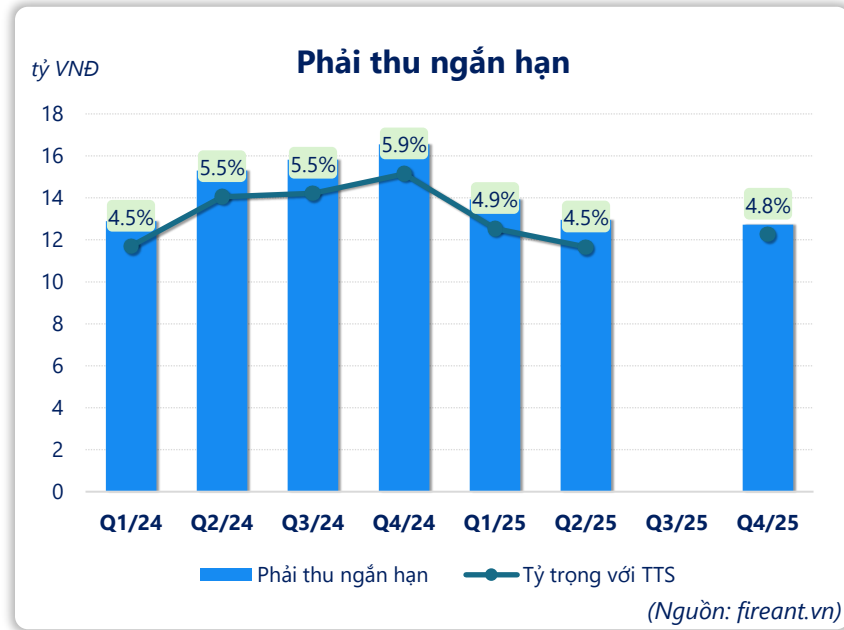
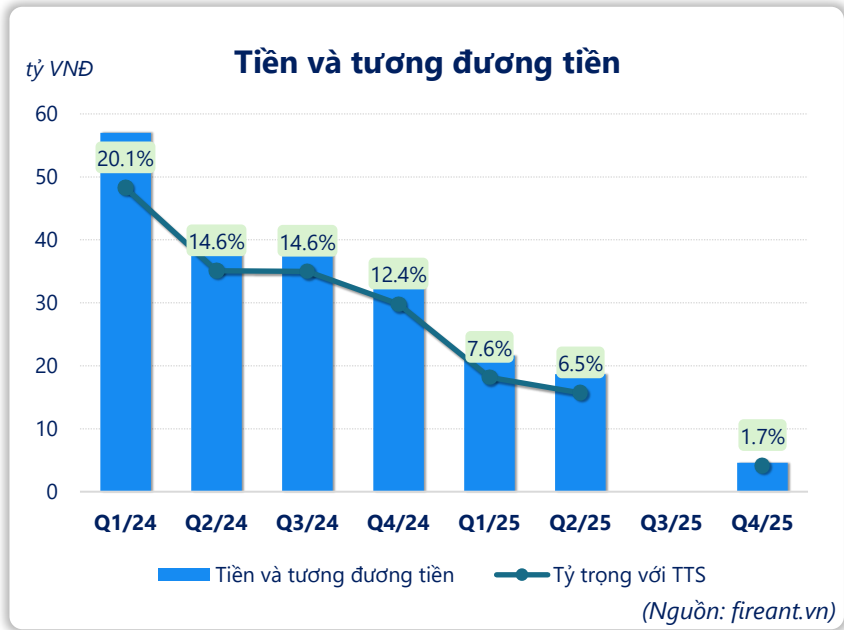
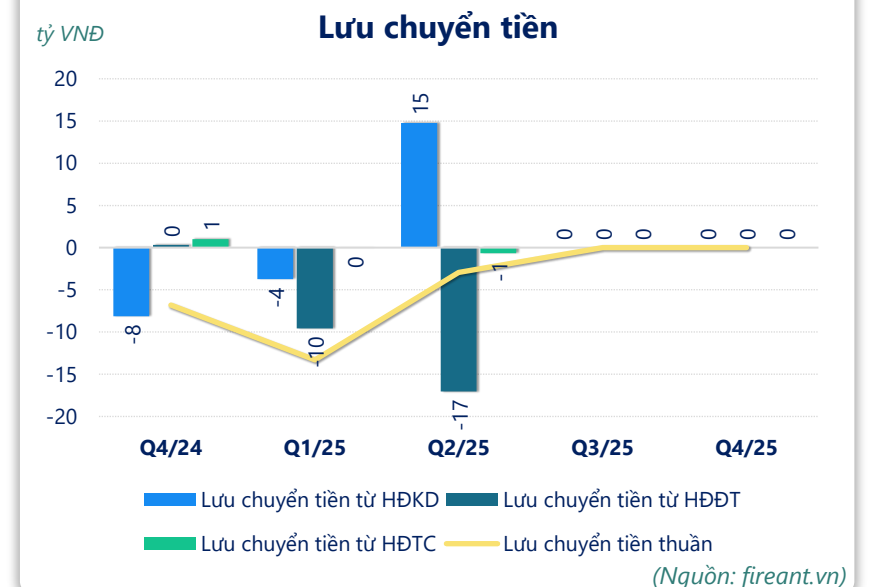
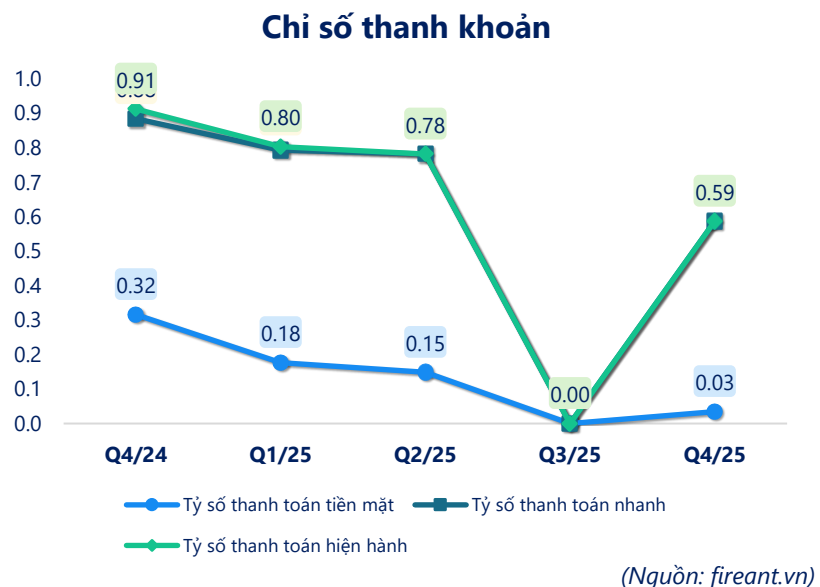
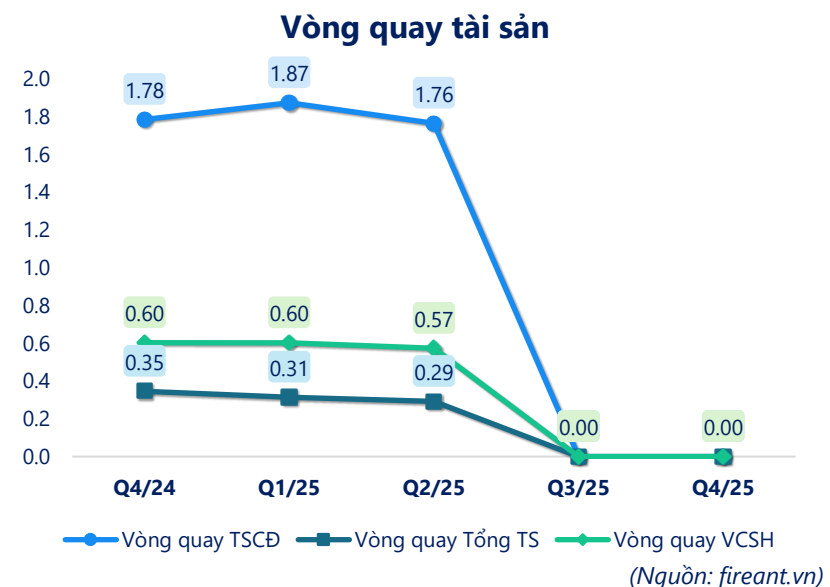
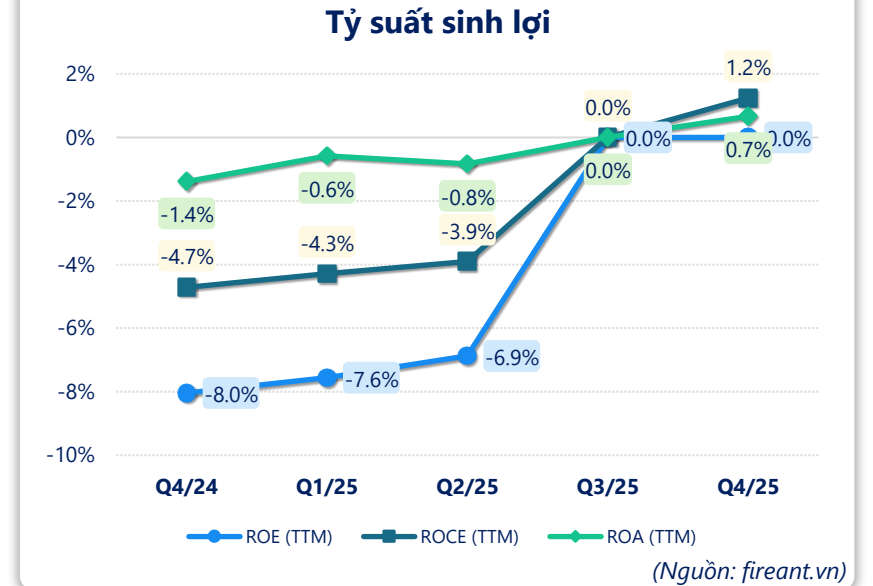
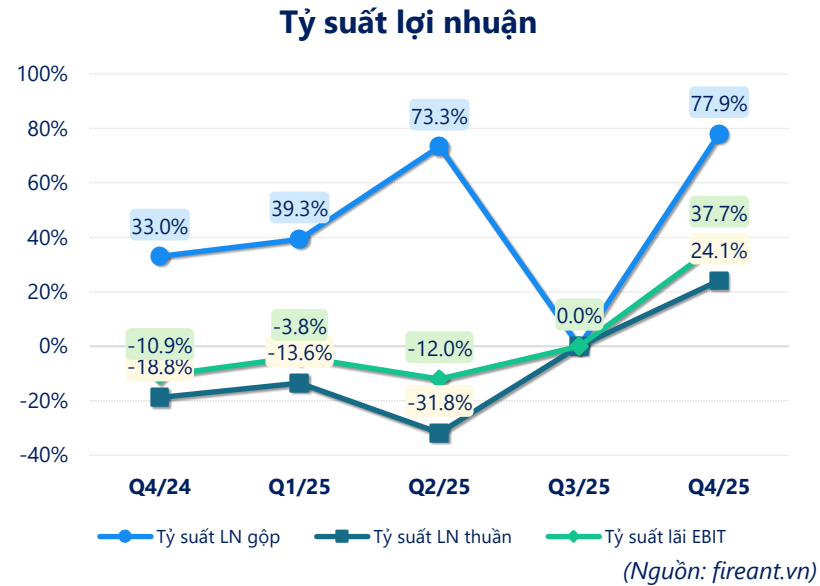
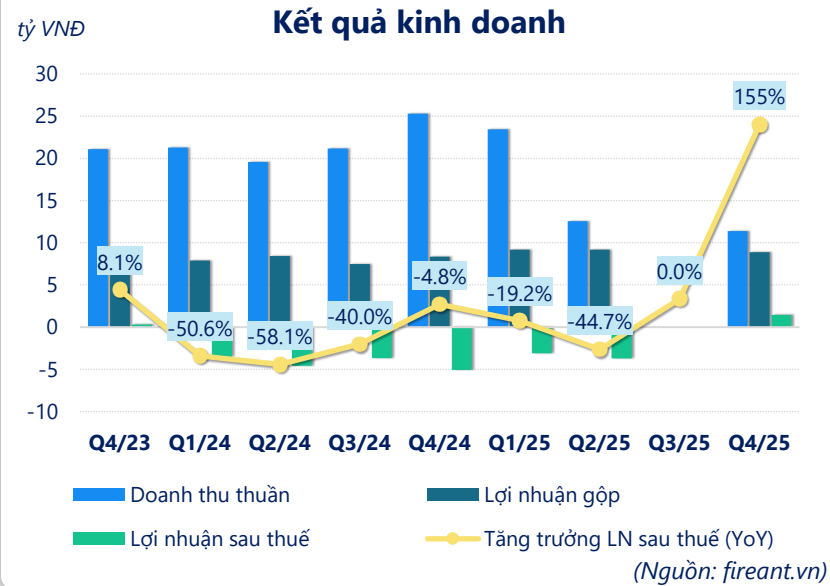


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		28,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,800
SL cổ phiếu LH		14,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		195
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		390
P/E		
EPS		

	YTD	1T	3T	6T
HAF	68.1%	6.3%	25.1%	1.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	267	279	-4.4%
Tài sản ngắn hạn	78.3	98.4	-20.5%
Tiền và tương đương tiền	4.61	34.9	-86.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.5	38.3	26.6%
Phải thu ngắn hạn	12.7	14.1	-10.0%
Hàng tồn kho	0.01	3.10	-99.7%
Tài sản ngắn hạn khác	12.4	7.98	55.9%
Tài sản dài hạn	188	180	4.4%
Phải thu dài hạn	0.29	0.29	0.0%
Tài sản cố định	178	46.9	279%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.75	127	-93.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	2.28	2.46	-7.2%
Tài sản dài hạn khác	0.37	3.90	-90.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	157	136	15.8%
Nợ ngắn hạn	133	111	20.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	94.6	79.6	18.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.19	9.67	-15.3%
Nợ dài hạn	23.8	25.0	-4.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	109	143	-23.5%
Vốn chủ sở hữu	109	143	-23.5%
Vốn điều lệ	145	145	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	25.3	23.4	12.5		11.4
Giá vốn hàng bán	17.0	14.2	3.34		2.51
Lợi nhuận gộp	8.34	9.20	9.20		8.87
Doanh thu HĐTC	0.94	0.78	0.86		0.89
Chi phí TC	2.21	2.16	2.18		2.59
Chi phí lãi vay	2.21	2.16	2.18		2.59
LN trong công ty LKLD	0	0	-0.18		0
Chi phí bán hàng	2.49	1.59	1.39		1.53
Chi phí QLDN	9.32	9.42	10.3		2.89
LN thuần từ HĐKD	-4.75	-3.18	-3.99		2.75
Lợi nhuận khác	-0.21	0.12	0.30		-1.04
LN trước thuế	-4.96	-3.06	-3.69		1.70
Lợi nhuận sau thuế	-5.05	-3.10	-3.72		1.46
LNST của CĐ cty mẹ	-3.51	-1.66	-2.36		1.83

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.14	-3.72	14.8	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.31	-9.57	-17.0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.02	-0.01	-0.67	0	0
Tiền đầu kỳ	41.7	34.9	21.6	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	-6.82	-13.3	-2.94	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	34.9	21.6	18.7	0	0

(Nguồn: fireant.vn)